

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 9 năm 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn Định

2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ Khôi

**- Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:** Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên

Ngày 05/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ C, Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai

(Có đơn xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Chị Đỗ Thị T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

(Có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2024 và ý kiến trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T1 đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn do không hoà hợp. Vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa từ năm 2014 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Đỗ Thị Tuyết .

Về con chung: Anh và chị T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 15/12/2013, ly hôn anh đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Phương N cho chị T1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

+ *Tại bản tự khai chị Đỗ Thị T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tình cảm nên xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 12/2013 sau khi chị sinh con xong thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và bản thân chị cùng với hai bên gia đình cố gắng hoà giải để vợ chồng cùng tìm được tiếng nói chung nhưng không thành. Đến đầu năm 2014 chị ôm con bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do vậy, chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 15/12/2013, hiện nay cháu Nguyễn Ngọc P N đang ở cùng với chị phát triển, khoẻ mạnh. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Phương N, Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

+ *Tại Đơn đề nghị đề ngày 19/8/2024, cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 15/12/2013 trình bày: Nếu bố mẹ không sinh sống cùng với nhau nữa thì mong muốn của cháu là được ở với mẹ.*

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Đỗ Thị T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và xử cho anh T được ly hôn chị Đỗ Thị Tuyết . Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 15/12/2013 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Y. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Đỗ Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị T1 kết hôn ngày 28/12/2010 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nao và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh T và chị T1 là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn hoà hợp thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể chung sống được nữa nên chị T1 bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến nay. Nay vợ chồng đã sống ly thân và anh T, chị T1 đều nhất trí ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 15/12/2013. Cháu Phương N ở với chị T1. Do cháu Phương N1 đang

quen với cuộc sống và học tập tại xã T, huyện Y cần chấp nhận yêu cầu của anh T, chị T1; giao cháu Phương N cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thoả thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T, chị T1 đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **2. Xử:**

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đỗ Thị Tuyết .

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 15/12/2013 cho chị Đỗ Thị T1 nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T1 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005292 ngày 30/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng

**3. Về quyền kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Dũng;
- CCTHADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Thu Hà**